TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST Ngày 31-5-2019 *V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONGTỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Việt và ông Nguyễn Hoài Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụán ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị An G, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

*2. Bị đơn:*Anh Phan Văn D, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị An G trình bày: Chị G và anh D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ ngày 19/9/2008. Trong thời gian chung sống anh chị có hai con chung là cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 06/12/2010 và cháu Phan Hoài A, sinh ngày 07/6/2016. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh D hay nhậu, không quan tâm đến vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình và ghen tuông vô lý, xúc phạm danh dự nhân phẩm

của chị; hiện nay anh chị không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D, chị yêu cầu được nuôi cháu A và giao cháu Đ cho anh D nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết và không nợ chung đối với ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh D nhưng anh D không tham gia tố tụng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh D; cháu Đ có nguyện vọng chung sống với anh D.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị G được ly hôn với anh D; giao cháu An cho chị G nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh D nuôi dưỡng; chị G không yêu cầu phân chia tài sản chung và không nợ chung đối với ai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Phan Thị An G yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Phan Văn D và nuôi con chung; chị G và anh D có đăng ký kết hôn hợp pháp nên tranh chấp giữa các đương sự là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"; anh D cư trú tại Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn nhưng anh D vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Chị G và anh D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp; giữa anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh D hay ghen, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị G; hiện nay anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D đã nhận được thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để tham gia giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị G, tuy nhiên anh D không tham gia, điều này thể hiện mâu thuẫn giữa anh

chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị G là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Chị G và anh D có hai con chung là cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 06/12/2010 và cháu Phan Hoài A, sinh ngày 07/6/2016; hiện nay các cháu đang chung sống với chị G; chị G yêu cầu anh D nuôi cháu Đ và cháu Đ có nguyện vọng được chung sống với anh D; anh D và chị G mỗi người nuôi một con sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con nên giao cháu Đ cho anh D nuôi dưỡng, phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của cháu Đ; giao cháu A cho chị G nuôi dưỡng, chị G không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Chị G không yêu cầu phân chia tài sản chung và cho rằng vợ chồng không nợ chung đối với ai nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị G phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Án phí chị G phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị An G ly hôn anh Phan Văn D.

2. Về con chung: Giao các cháu Phan Hải Đ, sinh ngày 06/12/2010 cho anh Phan Văn D nuôi dưỡng và giao cháu Phan Hoài A, sinh ngày 07/6/2016 cho chị Phan Thị An G nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi); chị G không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn chị G và anh D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị An G không yêu cầu phân chia tài sản chung và cho rằng không nợ chung đối với ai nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị An G phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai số 0003860 ngày 11 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân